TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **282**/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2610/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: khu phố 1, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông **Nguyễn Mạnh N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố 5, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 184/2011 ngày 09/11/2011 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Như H, sinh ngày

26/5/2012 và cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 27/02/2017. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Như H, sinh ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 27/02/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 009801 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Như H, sinh ngày 26/5/2012 và cháu Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 27/02/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Mạnh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 009801 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND phường M, TP.B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

Loan Trần Hải Yến